

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Xét đề nghị của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cho **Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp** như sau:

- Tên công trình và vốn đầu tư:** Theo danh mục đính kèm.
- Nguồn vốn:** Vốn ngân sách nhà nước năm 2026.

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026

1. Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026. Thực hiện phân công Lãnh đạo phụ trách, chịu trách nhiệm theo dõi, lên kế hoạch triển khai chi tiết từng dự án, bám sát tiến độ thực hiện của từng nhiệm vụ, dự án để kịp thời chỉ đạo, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án.

2. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư; kiên quyết khắc phục và chấm dứt tình trạng chậm triển khai dự án, chậm giải ngân vốn đầu tư công. Thực hiện rà soát thường xuyên, cắt giảm và điều chuyển ngay kế hoạch vốn của các nhiệm vụ, dự án chậm tiến độ, không có khả năng giải ngân sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân tốt nhưng thiếu vốn; hạn chế tối đa việc chuyển nguồn. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, có khả năng hấp thụ vốn và bảo đảm giải ngân hết kế hoạch được giao theo đúng quy định. Việc phân bổ, điều chỉnh vốn giữa các nhiệm vụ, dự án phải được thực hiện kịp thời; gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh để kịp thời giải ngân kế hoạch vốn.

3. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án; kịp thời thay thế, điều chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, đê trì trệ, làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao; phấn đấu tỷ lệ giải ngân năm 2026 đạt tối thiểu 100% kế hoạch được giao; tỷ lệ giải ngân là một trong các tiêu chí để xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm đối với tập thể, cá nhân.

4. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 theo quy định của pháp luật về đầu tư công; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin, số liệu, tính đầy đủ, tuân thủ tiêu chuẩn, định mức và các điều kiện giao kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí được phân bổ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; bảo đảm triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

5. Chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư công định kỳ thứ 6 hằng tuần, trước ngày 25 hằng tháng báo cáo kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành: Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII, chủ đầu tư cùng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND: CVP và các PCVP, P.ĐTQH (Khương);
- Lưu: VT, (Tú).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (ĐIỀU CHỈNH)

Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế TH giai đoạn trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 30/12/2025)			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (Điều chỉnh)			Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: nguồn vốn			Tổng số	Trong đó: nguồn vốn			
									Chi XD CB	Vốn SDĐ	Vốn XS KT		Chi XD CB		Vốn SDĐ	Vốn XS KT
TỔNG CỘNG					1.051.131	501.131	6.125	91.500	1.400	90.000	100	69.363	1.400	67.863	100	
A. VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					1.051.131	501.131	6.125	91.500	1.400	90.000	100	69.363	1.400	67.863	100	
I. Khu Công nghiệp					1.045.131	495.131	6.125	91.400	1.400	90.000	-	69.263	1.400	67.863	-	
a. Chuẩn bị đầu tư					43.720	43.720	-	1.400	1.400	-	-	1.400	1.400	-	-	
1	Dự án Xây dựng mới Quốc Môn cửa khẩu quốc tế Dinh Bà		2028-2030		43.720	43.720	-	1.400	1.400			1.400	1.400			
b. Thực hiện đầu tư					1.001.411	451.411	6.125	90.000	-	90.000	-	67.863	-	67.863	-	
b.1. Công trình chuyển tiếp					1.001.411	451.411	6.125	90.000	-	90.000	-	67.863	-	67.863	-	
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 3)	7911909	2022-2026	526/QĐ-UBND-HC ngày 14/5/2025	223.022	73.022	4.125	40.000	-	40.000		40.000	-	40.000		
2	Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	8000004	2022-2028	239/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025	778.389	378.389	2.000	50.000	-	50.000		27.863	-	27.863	-	
2.2.	Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp (Phần xây dựng)							50.000		50.000		27.863		27.863		
II. Công nghệ thông tin					6.000	6.000	-	100	-	-	100	100	-	-	100	
a. Chuẩn bị đầu tư					6.000	6.000	-	100	-	-	100	100	-	-	100	
1	Mua sắm, trang bị hệ thống camera AI kiểm soát ra/ vào tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu		2026-2028		6.000	6.000		100			100	100			100	